

Mỏ Cày Nam, ngày 16 tháng 12 năm 2019

Số: 160/2019/QĐST-DS

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 06 tháng 12 năm 2019 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 321/2019/TLST-DS ngày 30 tháng 8 năm 2019, về việc “Tranh chấp hợp đồng mua tài sản”.

XÉT THẤY:

Sự thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành ngày 06 tháng 12 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (Bảy) ngày kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thanh T, sinh năm 1970; địa chỉ cư trú: ấp V, xã T, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

* *Bị đơn:* Ông Trương Văn N, sinh năm 1947 và bà Đỗ Thị H, sinh năm 1954; cùng địa chỉ cư trú: ấp V, xã A, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Anh Trương Minh T, sinh năm 1990; địa chỉ cư trú: ấp V, xã A, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Anh Trương Minh T có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thanh T số tiền mua bán thức ăn chăn nuôi còn thiếu là 141.367.000 đồng (Một trăm bốn mươi một triệu ba trăm sáu mươi bảy ngàn đồng), trả 03 lần, cụ thể:

+ Lần 01: Vào ngày 23/4/2020 dương lịch trả số tiền: 41.367.000 đồng.

+ Lần 02: Vào ngày 16/11/2020 dương lịch trả số tiền: 50.000.000 đồng.

+ Lần 03: Vào ngày 05/5/2021 dương lịch trả hết số tiền: 50.000.000 đồng.

Đối với tiền lãi, lãi chậm trả của các khoản tiền trên tính đến thời điểm hòa giải, phía nguyên đơn không yêu cầu nên không xem xét.

Về trách nhiệm liên đới của ông Trương Văn N và bà Đỗ Thị H đối với số tiền trên, phía bà Nguyễn Thanh T và anh Trương Minh T không yêu cầu, không xem xét.

Các đương sự không còn yêu cầu, thỏa thuận nào khác.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: 3.534.000 đồng (Ba triệu năm trăm ba mươi bốn ngàn đồng), anh Trương Minh T chịu.

Hoàn trả tiền tạm ứng án phí 4.845.500 đồng (Bốn triệu tám bốn mươi lăm nghìn năm trăm đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006400 ngày 30/8/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre cho bà Nguyễn Thanh T.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2014.

*** Nơi nhận:**

- VKSND huyện Mỏ Cày Nam.
- TAND tỉnh Bến Tre.
- CC.THADS huyện Mỏ Cày Nam.
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ.

Thẩm phán

Đã ký

Đỗ Thúy Hằng